

Số: 03/2025/CBTT-SBL

Bạc Liêu, ngày 24 tháng 03 năm 2025

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 đã được kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – BẠC LIÊU

- Mã chứng khoán: SBL
- Địa chỉ: Lô B5, Khu công nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02913780781 Fax: 02913780567
- Email: bsgbaclieu@gmail.com Website: biasaigonbaclieu.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2024 đã được kiểm toán  
 BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

 BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

 Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

 Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

 Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 24/03/2025 tại đường dẫn: biasaigonbaclieu.com

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC năm 2024 đã được kiểm toán.
- Văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận năm 2024 so với năm 2023.



**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

**Trịnh Công Vinh**



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BIA SÀI GÒN-BẠC LIÊU**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-BẠC LIÊU  
DN: C=VN, L=BẠC LIÊU, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-BẠC LIÊU, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST: 190033973  
Reason: I am the author of this document  
Date: 2025-03-24 13:52:43  
Foxit Reader Version: 9.0.0

CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN - BẠC LIÊU

Số: 6 /2025/SGBL

(V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận  
năm 2024 so năm 2023)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bạc Liêu, ngày 24 tháng 03 năm 2025

## **Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty CP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu, mã chứng khoán SBL xin giải trình về việc lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2024 thay đổi từ 10% trở lên so năm 2023. Lợi nhuận sau thuế năm 2024 giảm so với cùng kỳ nguyên nhân chính là do giá một số nguyên vật liệu chính tăng.

Trân trọng.

Nơi gửi: *Như trên*  
- Như trên  
- Lưu TCKT



*Trịnh Công Vinh*



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2024



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**  
**Đăng ký Doanh nghiệp số** 6003000028 ngày 22 tháng 12 năm 2006

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 6003000028 ngày 23 tháng 12 năm 2024. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Bà Phạm Thị Hồng Hạnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Đồi	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Hải	Thành viên
Ông Phạm Hồng Minh	Thành viên
Ông Trần Nguyên Trung	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Tấn Phiên	Trưởng ban
Bà Dương Thị Thúy Hồng	Thành viên
Bà Trần Thị Ngọc Diệp	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Trịnh Công Vinh	Giám đốc
Ông Trần Văn Sang	Phó Giám đốc
Ông Huỳnh Vạn Đồng	(đến ngày 5 tháng 8 năm 2024) Phó Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Lô B5, Khu Công nghiệp Trà Kha  
Phường 8, Thành phố Bạc Liêu  
Tỉnh Bạc Liêu  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trịnh Công Vinh  
Giám đốc



Thay mặt Hội đồng Quản trị



Phạm Thị Hồng Hạnh  
Chủ tịch

Tỉnh Bạc Liêu, ngày 24 tháng 3 năm 2025



KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 31.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-01-00553-25-1



Phạm Huy Cường  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2675-2024-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hà  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2236-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2025





**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2024 VND</b>	<b>1/1/2024 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>84.278.188.421</b>	<b>53.231.671.488</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>57.738.492.583</b>	<b>15.763.500.649</b>
Tiền	111		278.492.583	313.500.649
Các khoản tương đương tiền	112		57.460.000.000	15.450.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>13.032.954.188</b>	<b>24.391.562.793</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	15.938.630.012	27.026.205.307
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		93.602.237	397.320.000
Phải thu ngắn hạn khác	136		80.892.939	48.208.486
Dự phòng phải thu khó đòi	137	7	(3.080.171.000)	(3.080.171.000)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>13.357.325.168</b>	<b>12.848.191.421</b>
Hàng tồn kho	141		13.357.325.168	12.848.191.421
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>149.416.482</b>	<b>228.416.625</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		149.416.482	228.416.625
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 260)	<b>200</b>		<b>172.961.146.693</b>	<b>193.194.597.248</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>171.807.200.677</b>	<b>188.852.299.811</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	171.807.200.677	188.850.008.175
Nguyên giá	222		491.430.816.022	487.723.682.946
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(319.623.615.345)	(298.873.674.771)
Tài sản cố định vô hình	227	10	-	2.291.636
Nguyên giá	228		211.446.165	211.446.165
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(211.446.165)	(209.154.529)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>2.968.845.308</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	-	2.968.845.308
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.153.946.016</b>	<b>1.373.452.129</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.153.946.016	1.373.452.129
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>257.239.335.114</b>	<b>246.426.268.736</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>73.215.121.395</b>	<b>58.821.326.930</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>72.604.647.964</b>	<b>57.828.754.384</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	4.673.453.801	4.274.357.606
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	24.099.194.752	48.266.165.772
Phải trả người lao động	314		2.210.413.978	2.725.397.555
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	1.166.511.393	1.351.954.532
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		138.181.819	138.181.819
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	603.574.250	811.189.068
Vay ngắn hạn	320	17	39.696.808.490	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	16.509.481	261.508.032
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>610.473.431</b>	<b>992.572.546</b>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19	610.473.431	992.572.546
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>184.024.213.719</b>	<b>187.604.941.806</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>184.024.213.719</b>	<b>187.604.941.806</b>
Vốn cổ phần	411	21	120.120.000.000	120.120.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.120.000.000	120.120.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	27.919.729.439	27.919.729.439
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		35.984.484.280	39.565.212.367
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		34.049.209.469	35.155.238.448
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		1.935.274.811	4.409.973.919
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>257.239.335.114</b>	<b>246.426.268.736</b>

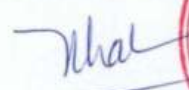
Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Trần Thị Thảo  
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:



Trần Thị Chất  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Trịnh Công Vinh  
Giám đốc



*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	140.320.358.640	147.710.008.880
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	126.768.239.679	127.864.169.217
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>13.552.118.961</b>	<b>19.845.839.663</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.023.691.462	379.777.436
Chi phí tài chính	22		737.326.424	979.813.645
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		737.326.424	979.813.645
Chi phí bán hàng	25	27	2.069.459.265	2.748.646.292
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	8.994.060.744	9.883.918.642
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>2.774.963.990</b>	<b>6.613.238.520</b>
Thu nhập khác	31		38.500.000	36.363.636
Chi phí khác	32		15.349.429	-
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>23.150.571</b>	<b>36.363.636</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>2.798.114.561</b>	<b>6.649.602.156</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	1.244.938.865	1.822.163.739
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	30	(382.099.115)	(72.532.604)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>1.935.274.811</b>	<b>4.899.971.021</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	161	388

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Trần Thị Thảo  
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:



Trần Thị Chất  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Trịnh Công Vinh  
Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>2.798.114.561</b>	<b>6.649.602.156</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	20.952.232.210	20.861.644.885
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.062.191.462)	(416.141.072)
Chi phí lãi vay	06	737.326.424	979.813.645
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>23.425.481.733</b>	<b>28.074.919.614</b>
Biến động các khoản phải thu	09	11.358.608.605	(19.185.332.149)
Biến động hàng tồn kho	10	(509.133.747)	9.737.509.356
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(24.692.762.524)	(1.841.750.361)
Biến động chi phí trả trước	12	298.506.256	1.043.554.202
		<b>9.880.700.323</b>	<b>17.828.900.662</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(709.688.407)	(996.314.437)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.888.185.478)	(1.586.951.690)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	900.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(349.500.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>7.282.826.438</b>	<b>14.897.034.535</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(93.438.456)	(3.280.419.076)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	38.500.000	36.363.636
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	-	(3.100.000.000)
Rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	-	3.100.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	1.023.691.462	379.777.436
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>968.753.006</b>	<b>(2.864.278.004)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	215.479.542.978	203.497.890.763
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(175.782.734.488)	(217.062.730.962)
Tiền chi trả cổ tức	36	(5.973.396.000)	(12.005.136.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>33.723.412.490</b>	<b>(25.569.976.199)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>41.974.991.934</b>	<b>(13.537.219.668)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>15.763.500.649</b>	<b>29.300.720.317</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)</b>	<b>70</b>	<b>57.738.492.583</b>	<b>15.763.500.649</b>

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Trần Thị Thảo  
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:

Trần Thị Chất  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Trịnh Công Vinh  
Giám đốc



*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

#### **1. Đơn vị báo cáo**

##### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 23 tháng 1 năm 2017, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã là SBL.

##### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, và nước giải khát; sản xuất kinh doanh cồn – rượu; và cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi và dịch vụ vận tải hàng hóa liên tỉnh.

##### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

##### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 87 nhân viên (1/1/2024: 97 nhân viên).

#### **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

##### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

##### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

##### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(d) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

## Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

#### (e) Tài sản cố định hữu hình

##### (i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

##### (ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	10 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 8 năm

#### (f) Tài sản cố định vô hình

##### Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 8 năm.

#### (g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

#### (h) Chi phí trả trước dài hạn

##### (i) Chi phí nâng cấp

Chi phí nâng cấp tài sản cố định phản ánh các chi phí sửa chữa, thay thế định kỳ máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không đủ điều kiện để ghi nhận vào nguyên giá tài sản cố định. Chi phí nâng cấp được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(k) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(n) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(p) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

## Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

#### (q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

#### (r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

#### (s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

## 4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi và dịch vụ vận chuyển hàng hóa liên tỉnh. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền mặt	41.589.789	93.058.197
Tiền gửi ngân hàng	236.902.794	220.442.452
Các khoản tương đương tiền (*)	57.460.000.000	15.450.000.000
	57.738.492.583	15.763.500.649

(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất 4,7% một năm (1/1/2024: 2,3% đến 3,2% một năm).

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	12.783.020.316	23.311.388.430
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - PGD Bạc Liêu	3.080.171.000	3.080.171.000
Các khách hàng khác	75.438.696	634.645.877
	15.938.630.012	27.026.205.307

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	12.783.020.316	23.311.388.430
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	74.838.696	409.634.357

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***7. Dự phòng phải thu khó đòi**

	31/12/2024 và 1/1/2024		Giá trị có thể thu hồi VND
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - PGD Bạc Liêu	3.080.171.000	(3.080.171.000)	-

**8. Hàng tồn kho**

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	3.304.393.164	-	3.831.917.393	-
Công cụ và dụng cụ	2.871.251.558	-	2.937.199.373	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.737.649.513	-	5.553.220.015	-
Thành phẩm	444.030.933	-	525.854.640	-
	13.357.325.168	-	12.848.191.421	-

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	109.489.293.797	370.682.895.868	5.998.968.590	1.552.524.691	487.723.682.946
Tăng trong năm	-	-	-	36.781.000	36.781.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.975.570.308	894.781.768	-	-	3.870.352.076
Thanh lý	-	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Số dư cuối năm	112.464.864.105	371.577.677.636	5.998.968.590	1.389.305.691	491.430.816.022
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	48.243.888.848	243.867.791.926	5.309.800.151	1.452.193.846	298.873.674.771
Khấu hao trong năm	4.610.319.573	16.131.679.758	159.694.176	48.247.067	20.949.940.574
Thanh lý	-	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Số dư cuối năm	52.854.208.421	259.999.471.684	5.469.494.327	1.300.440.913	319.623.615.345
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	61.245.404.949	126.815.103.942	689.168.439	100.330.845	188.850.008.175
Số dư cuối năm	59.610.655.684	111.578.205.952	529.474.263	88.864.778	171.807.200.677

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 108.780 triệu VND (1/1/2024: 65.940 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 138.473 triệu VND (1/1/2024: không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	211.446.165
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	209.154.529
Khấu hao trong năm	2.291.636
Số dư cuối năm	211.446.165
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	2.291.636
Số dư cuối năm	-

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 211 triệu VND (1/1/2024: 156 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2024 VND</b>	<b>2023 VND</b>
Số dư đầu năm	2.968.845.308	-
Tăng trong năm	901.506.768	2.968.845.308
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.870.352.076)	-
Số dư cuối năm	-	2.968.845.308

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí nâng cấp VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu năm	1.232.263.371	141.188.758	1.373.452.129
Tăng trong năm	257.000.000	636.200.000	893.200.000
Phân bổ trong năm	(766.600.685)	(346.105.428)	(1.112.706.113)
Số dư cuối năm	722.662.686	431.283.330	1.153.946.016

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Phải trả người bán ngắn hạn****(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	1.354.176.000	1.592.388.000
Công ty TNHH Chế biến lương thực Trường Thắng	491.979.200	-
Công ty TNHH Công nghệ Nồi hơi Phú Hưng	314.911.532	744.812.217
Công ty TNHH Camic Việt Nam	204.187.500	252.505.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	106.143.272	219.877.209
Các nhà cung cấp khác	2.202.056.297	1.464.775.180
	<b>4.673.453.801</b>	<b>4.274.357.606</b>

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	202.834.800	-
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	106.143.272	219.877.209
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	1.354.176.000	1.592.388.000

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

**14. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2024 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/ Cân trừ trong năm VND	31/12/2024 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	40.255.127.628	134.094.770.220	(154.767.541.272)	19.582.356.576
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.822.163.739	1.244.938.865	(1.888.185.478)	1.178.917.126
Thuế giá trị gia tăng	6.098.970.587	27.180.233.185	(30.096.245.076)	3.182.958.696
Thuế thu nhập cá nhân	76.025.978	741.205.675	(669.947.699)	147.283.954
Thuế tài nguyên	13.877.840	90.244.720	(96.444.160)	7.678.400
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	<b>48.266.165.772</b>	<b>163.354.392.665</b>	<b>(187.521.363.685)</b>	<b>24.099.194.752</b>



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2024</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2024</b> <b>VND</b>
Chi phí điện	170.699.816	192.730.800
Chi phí lãi vay	27.638.017	-
Chi phí khác	968.173.560	1.159.223.732
	<hr/>	<hr/>
	1.166.511.393	1.351.954.532

**16. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2024</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2024</b> <b>VND</b>
Cổ tức	39.468.000	6.864.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	210.000.000	210.000.000
Phải trả khác	354.106.250	594.325.068
	<hr/>	<hr/>
	603.574.250	811.189.068

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Vay ngắn hạn**

	1/1/2024 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2024 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	-	215.479.542.978	(175.782.734.488)	39.696.808.490

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (“Vietinbank”) – Chi nhánh 4	VND	3,5%	39.696.808.490	-

Khoản vay từ Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh 4 được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 138.473 triệu VND (1/1/2024: không) (Thuyết minh 9).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	261.508.032	365.109.481
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 20)	-	244.998.551
Các khoản thu khác	-	900.000
Sử dụng trong năm	-	(349.500.000)
Điều chỉnh (Thuyết minh 20)	(244.998.551)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	16.509.481	261.508.032

**19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	<b>Thuế suất</b>	<b>31/12/2024</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2024</b> <b>VND</b>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
Thay đổi khấu hao tài sản cố định	20%	610.473.431	992.572.546
		<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	120.120.000.000	27.919.729.439	47.167.238.448	195.206.967.887
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	4.899.971.021	4.899.971.021
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(244.998.551)	(244.998.551)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	(244.998.551)	(244.998.551)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(12.012.000.000)	(12.012.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024</b>	120.120.000.000	27.919.729.439	39.565.212.367	187.604.941.806
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	1.935.274.811	1.935.274.811
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	244.998.551	244.998.551
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	244.998.551	244.998.551
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(6.006.000.000)	(6.006.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	120.120.000.000	27.919.729.439	35.984.484.280	184.024.213.719

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2024 và 1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	12.012.000	120.120.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	12.012.000	120.120.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**22. Cổ tức**

Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết nghị chia cổ tức cho các cổ đông trong năm như sau:

	Năm kết thúc			
	31/12/2024		31/12/2023	
	Tỷ lệ phần trăm trên mệnh giá	VND	Tỷ lệ phần trăm trên mệnh giá	VND
Cổ tức đã công bố trong năm	5%	6.006.000.000	10%	12.012.000.000

**23. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng một năm	476.708.749	335.524.669
Từ hai đến năm năm	1.906.834.997	1.342.098.677
Sau năm năm	14.347.289.017	10.433.660.406
	16.730.832.763	12.111.283.752

**25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2024 VND	2023 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	133.785.628.680	142.214.034.719
▪ Cung cấp dịch vụ	2.267.145.677	1.418.808.344
▪ Doanh thu khác	4.267.584.283	4.077.165.817
	140.320.358.640	147.710.008.880

**26. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	2024 VND	2023 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Thành phẩm đã bán	125.857.781.512	127.240.075.590
▪ Dịch vụ đã cung cấp	910.458.167	495.274.108
▪ Giá vốn khác	-	128.819.519
	126.768.239.679	127.864.169.217

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Chi phí bán hàng**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Chi phí hỗ trợ bán hàng	1.253.866.667	1.474.433.333
Chi phí quảng cáo và truyền thông	312.850.867	382.547.656
Chi phí bán hàng khác	502.741.731	891.665.303
	<hr/>	<hr/>
	2.069.459.265	2.748.646.292

**28. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	5.067.233.803	5.663.577.227
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.663.674.143	1.043.266.323
Chi phí khấu hao và phân bổ	19.439.757	38.131.737
Chi phí quản lý khác	2.243.713.041	3.138.943.355
	<hr/>	<hr/>
	8.994.060.744	9.883.918.642

**29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2024</b> <b>VND</b>	<b>2023</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	82.532.530.762	79.134.694.131
Chi phí nhân công và nhân viên	19.391.601.422	20.609.026.210
Chi phí khấu hao và phân bổ	20.952.232.210	20.861.644.885
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.759.737.135	6.498.613.652
Chi phí khác	9.298.263.950	12.308.847.518
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***30. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2024 VND	2023 VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	1.244.938.865	1.822.163.739
<b>Lợi ích thuế hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(382.099.115)	(72.532.604)
	862.839.750	1.749.631.135

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.798.114.561	6.649.602.156
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	559.622.912	1.329.920.431
Chi phí không được khấu trừ thuế	303.216.838	419.710.704
	862.839.750	1.749.631.135

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	1.935.274.811	4.899.971.021
Ước tính trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	-	(244.998.551)
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	1.935.274.811	4.654.972.470

(\*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính dựa vào số được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty.

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 12.012.000 cổ phiếu.

**(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	2024 VND	2023 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	161	388

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn</b>		
Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	133.785.628.680	142.214.034.719
Mua nguyên vật liệu	56.053.841.204	49.241.665.657
<b>Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co</b>		
Mua dịch vụ	312.810.000	226.600.000
<b>Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn</b>		
Cung cấp dịch vụ	1.966.629.123	1.062.472.735
Phí sử dụng vỏ chai	406.604.044	438.643.578
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	438.399.133
Mua hàng hóa	79.420.800	135.330.000
Chi phí hỗ trợ bán hàng	1.253.866.667	1.474.433.333
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây</b>		
Cổ tức đã trả	1.201.200.000	2.402.400.000
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
<i>Thù lao</i>		
Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Chủ tịch	216.000.000	300.000.000
Ông Nguyễn Văn Đồi – Thành viên	120.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Xuân Hải – Thành viên	120.000.000	180.000.000
Ông Phạm Hồng Minh – Thành viên	120.000.000	180.000.000
Ông Trần Nguyễn Trung – Thành viên	120.000.000	180.000.000
<b>Nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	2.166.587.808	2.473.835.316
<b>Thành viên Ban Kiểm soát</b>		
<i>Thù lao</i>		
Ông Nguyễn Tấn Phiên – Trưởng ban	96.000.000	180.000.000
Bà Dương Thị Thúy Hồng – Thành viên	48.000.000	72.000.000
Bà Trần Thị Ngọc Diệp – Thành viên	48.000.000	72.000.000

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**33. Chi phí đã trả và phải trả cho kiểm toán viên**

	<b>2024</b>	<b>2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí kiểm toán báo cáo tài chính	85.000.000	85.000.000
Chi phí soát xét thông tin tài chính	60.000.000	60.000.000
	<hr/>	<hr/>
	145.000.000	145.000.000
	<hr/>	<hr/>

**34. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Trần Thị Thảo  
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:

Trần Thị Chất  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Trịnh Công Vinh  
Giám đốc

